

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ DỰA VÀO QUAN HỆ HỢP TÁC GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA ĐÌNH TẠI HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

Phạm Thị Thu Hiền¹

Tóm tắt: Việc đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp luôn là giải pháp giúp nhà trường, giáo viên và các lực lượng giáo dục thực hiện công tác phối hợp giáo dục học sinh hiệu quả hơn. Thực tế công tác giáo viên chủ nhiệm lớp tại các trường THCS huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương cho thấy, mặc dù đã có sự phối hợp giữa các bên nhưng còn chưa đồng bộ, chưa nhất quán. Do đó đòi hỏi mối quan hệ hợp tác chặt chẽ hơn giữa nhà trường, gia đình cả về hình thức và nội dung; nhằm tăng cường sự tham gia và nâng cao hiệu quả giáo dục.

Từ khóa: quản lý, công tác giáo viên chủ nhiệm lớp, quan hệ hợp tác giữa nhà trường và gia đình.

1. MỞ ĐẦU

Trung học cơ sở (THCS) là cấp học góp phần quan trọng vào việc phát triển trí tuệ và nhân cách cho học sinh. Quá trình dạy học và giáo dục trong giai đoạn này, ngoài việc quan tâm đến đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cần chú trọng đổi mới phương pháp, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và phối hợp chặt chẽ tất cả các lực lượng giáo dục.

Thực tiễn cho thấy, trong công tác giáo viên chủ nhiệm lớp (GVCNL), việc xây dựng và thiết lập mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường - gia đình (NT- GD) đã được quan tâm, nhằm hướng đến mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh. Tuy nhiên một số GVCNL còn chưa ý thức đầy đủ về vai trò của công tác này, nhiều gia đình còn tâm thế “trăm sự nhờ thầy cô, nhà trường” nên hiệu quả phối hợp chưa cao.

Trong khuôn khổ bài báo này, tác giả đưa ra một số biện pháp hữu ích giúp cán bộ quản lý (CBQL) nhà trường THCS, có thêm các biện pháp quản lý công tác chủ nhiệm lớp từ đó bồi dưỡng cho GVCNL có thể chủ động xây dựng kế hoạch hợp tác gắn kết chặt chẽ, thống nhất hơn giữa gia đình, nhà trường trong quá trình giáo dục trên địa bàn huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

¹ Trường THCS Thanh Hải- Thanh Hà- Hải Dương

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Quản lý

Có nhiều nhà nghiên cứu đã đưa ra khái niệm về quản lý nhưng tôi thấy tác giả Trần Kiểm đã đưa ra một khái niệm đúng và đầy đủ: “Quản lý là những tác động của chủ thể quản lý trong việc huy động, kết hợp, sử dụng, điều chỉnh, điều phối các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) trong và ngoài tổ chức (chủ yếu là nội lực) một cách tối ưu nhằm đạt được mục đích của tổ chức với hiệu quả cao nhất” [6].

2.1.2. Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp

“Nói đến công tác chủ nhiệm lớp là nói đến những nhiệm vụ, nội dung công việc của người GVCNL nên thực hiện, cần thực hiện và phải thực hiện. Còn khi nói đến người GVCNL là ta đề cập đến vị trí, vai trò, chức năng của người làm công tác chủ nhiệm lớp”[2].

“Giáo viên chủ nhiệm lớp là người chịu trách nhiệm thực hiện mọi quyết định quản lý của Hiệu trưởng đối với lớp và các thành viên trong lớp. Giáo viên chủ nhiệm lớp là người vạch kế hoạch, tổ chức cho lớp mình thực hiện các chủ đề theo kế hoạch và theo dõi, đánh giá việc thực hiện của các học sinh” [3].

Giáo viên chủ nhiệm cấp THCS thực hiện tất cả các nhiệm vụ của người giáo viên bộ môn cấp THCS, bao gồm “xây dựng và tổ chức kế hoạch các hoạt động giáo dục; phối hợp chặt chẽ với các giáo viên bộ môn của lớp, gia đình của học sinh, các tổ chức xã hội liên quan để có thể hỗ trợ, giám sát việc rèn luyện, học tập, hướng nghiệp của học sinh; nhận xét và đánh giá học sinh, xếp loại hạnh kiểm, học lực của học sinh cuối năm học; báo cáo tình hình của lớp cho Hiệu trưởng thường kỳ hoặc đột xuất” [2].

Như vậy công tác chủ nhiệm lớp là nói đến nội dung, chức trách, nhiệm vụ của GVCNL trước NT- GD và các lực lượng xã hội trong giáo dục học sinh.

2.1.3. Quản lý công tác giáo viên chủ nhiệm ở trường THCS dựa vào quan hệ hợp tác giữa nhà trường và gia đình

Quan hệ hợp tác giữa NT - GD được hiểu là các lực lượng giáo dục trong nhà trường và gia đình học sinh cùng thống nhất hành động và hỗ trợ nhau thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh.

Quản lý công tác GVCNL dựa trên quan hệ hợp tác NT- GD là một trong những nội dung quản lý của Hiệu trưởng. Trong đó nhà quản lý thực hiện những tác động có ý thức, có mục đích, có kế hoạch nhằm tổ chức, điều khiển, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra quá trình phối hợp giữa NT-GD trong công tác giáo dục học sinh, đảm bảo thống nhất và có hiệu quả.

2.2. Thực trạng quản lý công tác giáo viên chủ nhiệm ở trường THCS dựa vào quan hệ hợp tác giữa nhà trường và gia đình tại huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

Để đánh giá thực trạng nội dung và hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình, tác giả tiến hành khảo sát ý kiến của 40 CBQL và GVCNL năm học 2020-2021; ý kiến của 40 cha mẹ học sinh (CMHS) trên địa bàn huyện Thanh Hà qua phiếu trưng cầu ý kiến (phụ lục 1) và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.1: Thực trạng nội dung hợp tác giữa NT – GD trong công tác giáo dục học sinh

STT	Nội dung phối hợp	CBQL, GVCNL		Cha mẹ học sinh	
		Mức độ thường xuyên	Mức độ hiệu quả	Mức độ thường xuyên	Mức độ hiệu quả
1	Thông báo cho cha mẹ kết quả học tập, rèn luyện của học sinh	2,73	2,68	2,60	2,55
2	Thông báo cho GVCN về mọi mặt của học sinh khi ở gia đình và cộng đồng	1,65	1,70	1,63	1,75
3	Trao đổi, thống nhất về nội dung và biện pháp giáo dục học sinh	2,30	2,35	2,48	2,35
4	Chia sẻ với CMHS các kiến thức, phương pháp giáo dục trong gia đình	1,85	1,85	1,83	1,80
5	Huy động tiềm năng và sự tham gia của CMHS vào các hoạt động giáo dục của nhà trường	1,58	1,48	1,53	1,55
6	Gia đình tích cực phối hợp trong các hoạt động	2,35	2,38	2,33	2,35
7	CMHS tham gia phong trào xã hội hóa giáo dục	2,88	2,90	2,93	2,93
8	Gia đình tạo điều kiện, tích cực quan tâm hỗ trợ, kiểm tra HS ở nhà	2,28	2,28	2,58	2,60

Kết quả Bảng 2.1 cho thấy: Nội dung hợp tác mà nhà trường đánh giá rất cao là “CMHS tham gia phong trào xã hội hóa giáo dục” với mức độ hiệu quả là 2,90; “thông báo cho gia đình kết quả học tập, rèn luyện của học sinh” với mức độ hiệu quả là 2,68. Bên cạnh đó thì nội dung “huy động tiềm năng của gia đình” và việc “thông báo cho nhà trường về tâm sinh lý của học sinh” được đánh giá là hiệu quả chưa cao (điểm trung bình là 1,48 và 1,70).

Đồng thời các nội dung phối hợp này cũng được cha mẹ đồng thuận đánh giá với mức độ hiệu quả cao 2,93 trong nội dung “gia đình tham gia phong trào xã hội hóa giáo dục”; hiệu quả thấp trong việc “huy động tiềm năng, sự tham gia của gia đình trong các hoạt động”, với điểm trung bình 1,55.

Bảng 2.2: Thực trạng hình thức hợp tác giữa NT - GD trong công tác giáo dục học sinh

STT	Hình thức phối hợp	CBQL, GVCNL		Cha mẹ học sinh	
		Mức độ thường xuyên	Mức độ hiệu quả	Mức độ thường xuyên	Mức độ hiệu quả
1	Tổ chức cuộc họp toàn thể CMHS	2,75	2,55	2,55	2,58
2	Gặp mặt đại diện CMHS	2,10	2,50	2,05	2,35
3	Mời và gặp mặt riêng CMHS	2,00	2,50	1,83	2,40
4	Thăm gia đình học sinh	1,33	2,75	1,45	2,70
5	Số liên lạc	2,60	2,25	2,48	2,08
6	Số liên lạc điện tử	1,75	2,38	1,65	2,43
7	Gọi điện thoại	1,53	2,58	1,85	2,38

Bảng 2.2 cho thấy, các hình thức phối hợp đều được đánh giá là có hiệu quả cao, với điểm trung bình từ 2,08 đến 2,75, mặc dù một số hình thức không được sử dụng thường xuyên. Đặc biệt hình thức “đến gia đình học sinh và tổ chức cuộc họp toàn thể CMHS” được nhà trường và gia đình đánh giá cao nhất, với điểm trung bình là 2,75 và 2,70. Điều

này chứng tỏ hiệu quả của công tác chủ nhiệm lớp và sự phối hợp giữa GVCNL với gia đình trong quá trình giáo dục học sinh THCS tại địa phương.

2.3. Biện pháp quản lý công tác chủ nhiệm lớp ở trường THCS dựa vào quan hệ hợp tác giữa nhà trường và gia đình tại huyện Thanh Hà - tỉnh Hải Dương

2.3.1. Nâng cao nhận thức của GVCNL, CMHS trong việc tăng cường hợp tác giữa nhà trường với gia đình để giáo dục học sinh

Mục tiêu

Hiệu quả công tác hợp tác giữa NT - GD trước hết phụ thuộc vào nhận thức của GVCNL và CMHS về công tác này. Biện pháp nâng cao nhận thức của GVCNL, CMHS sẽ giúp họ hiểu đầy đủ hơn về vai trò, ý nghĩa, lý do, cũng như những nội dung, hình thức, phương pháp phối hợp, từ đó có trách nhiệm cao hơn trong công tác phối hợp đồng bộ và chặt chẽ.

Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

Tuyên truyền, phổ biến các văn bản, quy định về công tác hợp tác cho tất cả các lực lượng giáo dục, đặc biệt là cho CMHS, từ đó tăng cường ý thức trách nhiệm giáo dục con em không chỉ trong nhà trường mà cần sát sao hơn trong gia đình và cộng đồng. Nâng cao nhận thức hợp tác không chỉ thông qua việc thông báo kết quả học tập để điều chỉnh hành vi, thái độ của học sinh mà còn phải tổ chức các hoạt động giáo dục cụ thể nhằm chú ý chăm sóc cả về thể chất lẫn tinh thần cho học sinh khi ở trường cũng như ở nhà, ở khu dân cư.

Để thực hiện tốt các nội dung hợp tác thì NT - GD cần chủ động tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lý của học sinh, linh hoạt sử dụng các hình thức phối hợp trực tiếp và gián tiếp như đến thăm gia đình học sinh, tọa đàm trao đổi chia sẻ kinh nghiệm, sử dụng các kênh thông tin truyền thông về kiến thức chăm sóc và giáo dục thiếu niên.

Điều kiện thực hiện biện pháp

Nhà trường, GVCNL, CMHS phải có kế hoạch công tác phối hợp, thường xuyên chủ động, tìm tòi những nguồn tài liệu, các thông tin liên quan đến công tác chủ nhiệm lớp, đặc điểm tâm sinh lý học sinh và kinh nghiệm giáo dục thiếu niên hiệu quả.

2.3.2. Quy hoạch và bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ GVCNL để phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của họ trong việc hợp tác NT-GD.

Mục tiêu

Đội ngũ GVCNL là lực lượng quan trọng nhất để thực hiện kế hoạch hợp tác giữa NT - GD hiệu quả. Việc quy hoạch và bồi dưỡng năng lực đội ngũ GVCNL phải được chú trọng nhằm bổ sung kịp thời lực lượng, xây dựng đội ngũ GVCNL vừa có kiến thức,

nghịệp vụ, vừa có tâm huyết và sự sáng tạo sẽ góp phần tạo nên sự thành công chung của công tác giáo dục trong nhà trường.

Vì vậy mỗi GVCNL phải luôn không ngừng trau dồi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, chủ động, linh hoạt, mềm dẻo khi phối hợp với các lực lượng giáo dục, đặc biệt là khi gặp gỡ, trao đổi với phụ huynh học sinh.

Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

Nhà trường chỉ đạo tất cả các lực lượng giáo dục trong trường tự đánh giá năng lực hợp tác giáo dục, từ đó khảo sát nhu cầu bồi dưỡng, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cũng như quy hoạch hợp lý, kịp thời nguồn lực, đảm bảo mọi GV làm công tác chủ nhiệm vừa vững chuyên môn, nghiệp vụ, vừa có trách nhiệm và tâm huyết với công việc này.

Kế hoạch, quy hoạch, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp cần được phổ biến công khai, minh bạch đến từng thành viên trong trường. Cần có những chính sách khuyến khích để tạo tâm thế sẵn sàng và chủ động, tích cực tham gia tự bồi dưỡng. Việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng GVCNL cần chủ động, có lộ trình và có phương án dự phòng khi có sự thay đổi. Nội dung bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GVCNL cần được cụ thể hóa, chú trọng các kỹ năng mềm như làm việc hợp tác, tạo lòng tin, thiết lập mối quan hệ, xây dựng bầu không khí thân thiện.

Thông qua các hình thức như: sinh hoạt chuyên môn, tọa đàm, mở lớp tập huấn bồi dưỡng, hội thảo trao đổi kinh nghiệm, tổ chức các cuộc thi GVCNL giỏi các cấp, thi viết sáng kiến kinh nghiệm, tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm ở các trường THCS khác.

Tổ chức các hoạt động tự học, tự bồi dưỡng theo các chủ đề có liên quan đến những khó khăn của cha mẹ khi giáo dục con cái, khó khăn của thầy cô, khó khăn của bản thân học sinh THCS.

Tham mưu kịp thời và bám sát thực tế cho các cơ quan quản lý giáo dục để đánh giá kết quả bồi dưỡng và quy hoạch, đồng thời nhận diện rõ những khó khăn vướng mắc của GVCNL trong quá trình thực hiện công tác phối hợp, từ đó có những hướng dẫn, hỗ trợ thiết thực và hiệu quả nhất cho GVCNL.

Tăng cường cập nhật các nội dung về công tác chủ nhiệm lớp với các nội dung như: “Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh trung học cơ sở”; “Giáo dục học sinh THCS cá biệt”; “Phương pháp và kỹ thuật hướng dẫn, tư vấn cho học sinh THCS”; “Lập kế hoạch công tác chủ nhiệm”; “Hoạt động của giáo viên chủ nhiệm”; “Giải quyết tình huống sư phạm trong công tác chủ nhiệm”; “Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường THCS”; “Giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS”; “Phối hợp với gia đình học sinh và cộng đồng trong công tác giáo dục học sinh THCS”; “Phối hợp với các tổ chức xã hội trong công tác giáo dục”.

Tất cả những nội dung trên chỉ có thể được thực hiện hiệu quả khi mà người quản lý

trong các nhà trường có những định hướng đúng đắn và chỉ đạo sát sao, mạnh mẽ, quyết đoán. Với cách nhìn và hành động của mình, nhà quản lý có thể kích thích và tạo động lực cho mỗi GVCNL không ngừng nỗ lực cố gắng thực hiện tốt nhất vai trò của cầu nối giữa NT-GĐ. Đồng thời nhà quản lý cũng giúp cho mỗi GV ý thức rõ hơn vai trò là “người thay mặt nhà trường trực tiếp chịu trách nhiệm giáo dục toàn diện học sinh trong lớp, là người được trao quyền để tích cực chủ động và sáng tạo trong việc phối hợp với CMHS. Bản thân mỗi GV được tin tưởng để tự trau dồi phẩm chất đạo đức, không ngừng bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, nghệ thuật ứng xử và tuyên truyền, chủ động tiếp xúc với CMHS, phải tạo dựng được sự tin tưởng từ phía CMHS, từ đó có thể thu hút được CMHS tham gia vào các hoạt động giáo dục học sinh” [1].

Bản thân mỗi GVCNL đều có những sở trường, năng lực nhất định, họ có thể có những cách phối hợp khác nhau, có sự linh hoạt và chủ động trong công việc nên việc phối hợp với CMHS của từng lớp, từng đối tượng, từng gia đình cần được trao quyền và tin tưởng từ các lực lượng, đặc biệt là nhà quản lý. Mỗi gia đình học sinh cũng có những đặc điểm khác nhau về nhận thức, trình độ, điều kiện kinh tế, nên đòi hỏi GVCNL phải linh hoạt trong việc sử dụng các hình thức và phương pháp phối hợp giáo dục.

Điều kiện thực hiện biện pháp

Nhà trường triển khai việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch và bồi dưỡng phải phù hợp với đối tượng, thời gian; phải có nội dung cập nhật sát thực tế, phải có hỗ trợ kinh phí hợp lý; phải động viên khen thưởng kịp thời đối với những GVCNL khi học tập bồi dưỡng đạt kết quả cao cũng như thực hiện công tác chủ nhiệm lớp thành công.

Bản thân mỗi GVCNL phải có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có năng lực công tác chủ nhiệm, có tâm huyết và lòng tích cực, chủ động, sáng tạo trong công tác phối hợp với CMHS.

2.3.3. Tham mưu với chính quyền địa phương nhằm huy động sự tham gia của các bên liên quan trong việc hợp tác giáo dục học sinh

Mục tiêu

Trong công tác phối hợp, nhiều CMHS và các lực lượng khác trong cộng đồng còn nhận thức chưa đầy đủ, chưa tích cực tham gia, do đó nhà trường cần tham mưu với chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể như hội khuyến học, đoàn thanh niên... chủ động và có trách nhiệm thúc đẩy sự hợp tác chặt chẽ hơn giữa NT- GĐ và xã hội.

Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

Nhà trường cần tham mưu cho chính quyền, đoàn thể để đưa công tác hợp tác giáo dục vào trong định hướng phát triển của địa phương, của mỗi đoàn thể và mỗi gia đình. Với sự chỉ đạo của các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể ở các địa phương, các khu

dân cư như đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh, hội phụ nữ, hội nông dân, hội người cao tuổi, hội khuyến học, hội phụ huynh... cùng phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia công tác giáo dục.

Xây dựng quy chế hoạt động của từng tổ chức đoàn thể có nhân mạnh nhiệm vụ phối hợp giáo dục với nhà trường nhằm đẩy mạnh phong trào học tập và tiến bộ giáo dục ở địa phương.

Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến kiến thức chăm sóc, giáo dục thiếu niên; lồng ghép các hoạt động đoàn thể, hội, tổ dân cư, trong hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng; khích lệ, tuyên dương, nhân rộng điển hình và thúc đẩy sự tham gia phối hợp của các tổ chức, cá nhân, gia đình trong nhiệm vụ chung là giáo dục thế hệ trẻ. Phát động các đơn vị, cá nhân tham gia và cam kết xây dựng “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Đơn vị học tập”...

Điều kiện thực hiện biện pháp

Cần sự chung tay, góp sức tích cực bằng cả vật chất lẫn tinh thần của các ban ngành đoàn thể, các tổ chức xã hội ở các địa phương, đặc biệt là những định hướng, chỉ đạo sát sao, mạnh mẽ của chính quyền cơ sở.

Nhà trường phải xây dựng mối quan hệ gần gũi với chính quyền, đoàn thể và các tổ chức hội của địa phương; phải có những tham mưu kịp thời, đúng nội dung và phù hợp với thực tiễn địa phương, nhu cầu của người dân.

2.3.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hợp tác giữa GVCNL với gia đình học sinh

Mục tiêu

Hiện nay, các nhà trường đang tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình giáo dục, và thực tế cũng chứng minh đây là cách quản lý và thực hiện công tác phối hợp hiệu quả, thuận tiện, kịp thời và phù hợp với mọi lực lượng.

Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

Công nghệ thông tin được ứng dụng vào trong công tác phối hợp giữa NT - GD học sinh bao gồm việc sử dụng đa dạng các hình thức như xây dựng website riêng, sổ liên lạc điện tử, điện thoại, mạng xã hội như Zalo, Facebook, ...

“Sử dụng website của trường để đăng các văn bản của các cấp có nội dung về công tác phối hợp giữa NT - GD, các bài viết, các hình ảnh, các clip về tất cả các hoạt động của nhà trường. Qua đó, phụ huynh học sinh có thể tra cứu các tài liệu cần thiết; nắm được các thông tin, các hoạt động của nhà trường, của con em mình. Nếu nhà trường sử dụng tốt trang website, làm tốt công tác truyền thông thì phụ huynh học sinh hiểu, ủng hộ và phối hợp tốt với thầy cô chủ nhiệm, với nhà trường. Tuy nhiên, sử dụng hình thức phối hợp này thì thông tin chỉ có một chiều từ nhà trường đến gia đình học sinh mà không nhận

được thông tin ngược từ cha mẹ học sinh” [4].

“Sở liên lạc điện tử cung cấp những thông tin về quá trình giáo dục và dạy học trong nhà trường đến phụ huynh một cách kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả. Các thông tin được cung cấp rất phong phú như đi học chuyên cần, điểm môn học, nhận xét của GV/CNL, kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, lịch thi, lịch họp, thời khóa biểu, các hoạt động của nhà trường. Các thông tin có thể tra cứu dễ dàng và thuận tiện bằng điện thoại di động, tạo điều kiện cho CMHS có thể nắm bắt tình hình học tập của con em mình ở mọi lúc, mọi nơi, nhanh chóng và kịp thời. Các thông tin về học sinh được cập nhật hàng ngày, hàng tuần và việc trao đổi thông tin giữa NT- GD qua sở liên lạc điện tử được tích hợp với tin nhắn trên điện thoại di động của CMHS. Nhà trường, GV/CNL dùng máy tính hoặc điện thoại có kết nối internet nhập thông tin bất kỳ ở đâu; dữ liệu được lưu tại máy chủ của nhà cung cấp dịch vụ. Phụ huynh học sinh có thể nhận tin nhắn tự động qua điện thoại hoặc truy cập vào website để nhận tin. Việc này giúp CMHS luôn nắm bắt được thông tin để kiểm soát con em mình, động viên kịp thời khi con tiến bộ, can thiệp kịp thời khi con mắc lỗi hoặc có những biểu hiện bất thường về tâm lý. Hình thức phối hợp này có rất nhiều ưu điểm nhưng vẫn cơ bản là tương tác một chiều từ nhà trường đến gia đình” [5].

Sử dụng điện thoại đã trở thành phương tiện liên lạc chính và thông dụng nhất hiện nay để trao đổi thông tin giữa GV/CNL và CMHS. Hai bên dễ dàng trao đổi và tiếp nhận thông tin về học sinh một cách nhanh chóng, thuận tiện; các thông tin đầy đủ và chi tiết, đảm bảo sự phản hồi ngược kịp thời và hiệu quả. GV/CNL có thể sử dụng điện thoại cá nhân hoặc điện thoại của nhà trường để liên hệ với cha mẹ học sinh một cách nhanh chóng, chủ động, kịp thời ngay khi cần.

Mạng xã hội cũng là một phương tiện liên lạc hữu ích cho cha mẹ và nhà trường. Với rất nhiều tiện ích như gọi điện, nhắn tin, gửi hình ảnh, gửi tài liệu, cung cấp đường link, giúp NT- GD chia sẻ và trao đổi nhanh những nội dung, yêu cầu giáo dục. Nên việc GV/CNL có thể sử dụng mạng xã hội như zalo, facebook để kết nối là rất hữu ích. Không chỉ trao đổi những nội dung giáo dục học sinh mà đây cũng là kênh thông tin để chia sẻ những kiến thức chăm sóc, giáo dục con cái, để cha mẹ hiểu hơn về đặc điểm tâm lý lứa tuổi, về những khó khăn mà thiếu niên đang gặp phải, hiểu cách đồng hành cùng con và nhà trường...

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào trong quá trình phối hợp giữa NT - GD học sinh là nhu cầu cấp thiết của mỗi lực lượng giáo dục hiện nay, đồng thời nó cũng là hình thức phối hợp hiệu quả mà thực tế giáo dục đã chứng minh. Tuy vậy, việc ứng dụng công nghệ này cũng cần có những, định hướng, chỉ đạo, tập huấn, quản lý, giám sát khi sử dụng để đảm bảo hiệu quả phối hợp cao nhất.

Điều kiện thực hiện biện pháp

Cần đầu tư kinh phí để xây dựng, thiết kế, chọn lựa nhà cung cấp dịch vụ có uy tín, đảm bảo về mặt pháp lý, an toàn, đúng mục đích và hiệu quả; đảm bảo cơ sở hạ tầng để vận hành tốt dịch vụ đó như chọn nhà mạng, nâng cấp đường truyền internet.

Cần có đội ngũ kỹ thuật viên, chuyên viên có trình độ để vận hành và quản lý giám sát các thiết bị công nghệ phục vụ cho hoạt động kết nối, phối hợp đúng mục đích, an toàn và hiệu quả. Đội ngũ giáo viên, GVCNL có khả năng sử dụng thiết bị, có hiểu biết về an toàn, an ninh mạng, có năng lực tìm kiếm, chia sẻ, trao đổi các thông tin.

Cần có sự tự nguyện, đồng thuận của CMHS trong việc sử dụng và thanh toán cho các chi phí khi sử dụng công nghệ thông tin nhằm kết nối, phối hợp giáo dục giữa NT- GD.

2.3.5. *Đổi mới kiểm tra, đánh giá và thi đua, khen thưởng công tác chủ nhiệm lớp*

Mục tiêu

Việc đổi mới kiểm tra đánh giá và thi đua khen thưởng công tác GVCNL nhằm thúc đẩy sự hợp tác giữa NT-GD, động viên kịp thời những GVCNL đạt thành tích, tạo động lực cho các giáo viên khác.

Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

Kiểm tra, đánh giá công tác GVCNL nhằm rút kinh nghiệm và điều chỉnh các hoạt động phối hợp NT- GD, được thực hiện bằng nhiều hình thức như: kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất, kiểm tra tổng kết.

Kiểm tra dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, đã được xây dựng và xác định, nhằm khích lệ hoạt động hợp tác giữa GVCNL với CMHS, đảm bảo tính khách quan, chính xác, dân chủ, công khai.

Kiểm tra, đánh giá và thi đua khen thưởng trong công tác GVCNL nhằm thực hiện thành công kế hoạch phối hợp giữa NT-GD, do đó nội dung, hình thức, phương pháp hợp tác phải nhất quán, trách nhiệm của các bên cần được chỉ rõ và rút kinh nghiệm kịp thời. Kiểm tra phải hướng tới mục đích khích lệ sự hợp tác, liên kết cùng thực hiện nhiệm vụ chung, chứ không nhằm tạo ra sự ganh đua thiếu lành mạnh để giành vị trí hoặc thứ bậc.

Việc đánh giá kết quả hợp tác giữa GVCNL với CMHS dựa trên nhiều kênh thông tin từ nhiều lực lượng giáo dục, qua đánh giá đồng đẳng; đánh giá của học sinh và cha mẹ cũng như tự đánh giá của bản thân giáo viên. Các danh hiệu thi đua, khen thưởng dành cho giáo viên, GVCNL có thành tích tốt trong công tác phối hợp giáo dục không chỉ nhằm công nhận những kết quả và khích lệ giáo viên mà còn góp phần nhân rộng gương tốt điển hình, chia sẻ những kinh nghiệm quý báu và xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh, tích cực.

Điều kiện thực hiện biện pháp

Xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm tra, đánh giá công tác hợp tác GVCNL và CMHS cụ thể, phù hợp với thực tế.

Có những quy định rõ ràng về chế độ khen thưởng đối với GVCNL, giáo viên có thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp.

Có sự thống nhất giữa các lực lượng, đặc biệt là thống nhất chỉ đạo của các nhà quản lý để tiến hành kiểm tra và thi đua một cách dân chủ, công bằng, khách quan.

2.3.6. *Mối quan hệ giữa các biện pháp*

Các biện pháp đề xuất có mối quan hệ mật thiết với nhau, có tác động qua lại và ảnh hưởng lẫn nhau, thúc đẩy và chi phối nhau, tạo thành một thể thống nhất. Mỗi biện pháp đều có vai trò nhất định trong công tác hợp tác NT-GĐ đạt hiệu quả. Tùy vào điều kiện cụ thể của từng trường, từng địa phương, ở từng thời điểm và hoàn cảnh mà nhà quản lý có thể ưu tiên lựa chọn sử dụng các biện pháp khác nhau thì sẽ phát huy được các ưu điểm, hạn chế nhược điểm giúp cho hiệu quả giáo dục cao hơn.

3. KẾT LUẬN

Để quản lý công tác chủ nhiệm lớp dựa vào phối hợp NT - GD đạt hiệu quả cao cần nâng cao nhận thức của các lực lượng giáo dục, quy hoạch và bồi dưỡng đội ngũ, tham mưu với chính quyền địa phương để huy động tối đa các nguồn lực, tăng cường ứng dụng CNTT và đổi mới việc kiểm tra đánh giá, thi đua, khen thưởng đối với công tác này. Các biện pháp đề xuất trong bài báo vừa phát huy, thúc đẩy được những điều kiện sẵn có của các nguồn lực ở địa phương; đồng thời cũng góp phần khắc phục những hạn chế, khó khăn của công tác phối hợp giữa NT- GD trong bối cảnh thực tế hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên về công tác giáo viên chủ nhiệm trong trường trung học cơ sở, trung học phổ thông*, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 6 năm 2017, ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
4. Trần Thị Mai Hạnh (2010), Luận văn thạc sĩ “Quản lý sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh trường trung học cơ sở thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên”, Đại học Giáo dục.
5. Nguyễn Việt Hùng - Hà Thế Truyền (2015), *Tăng cường năng lực làm công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học cơ sở*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

6. Trần Kiểm (2004), *Khoa học quản lý giáo dục – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
7. Trần Kiểm (2016), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường hiệu quả*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
8. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019
9. Hà Nhật Thăng (2001), *Phương pháp công tác của người GVCN trường THPT*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

MEASURES TO MANAGE HOMEROOM TEACHER'S WORK IN JUNIOR HIGH SCHOOL BASED ON THE COOPERATION RELATIONSHIP BETWEEN SCHOOL AND FAMILY IN THANH HA DISTRICT, HAI DUONG PROVINCE

Pham Thi Thu Hien

Abstract: *Proposing appropriate management measures is always the solution to help schools, teachers and educational forces carry out the work of coordinating student education more effectively. In fact, homeroom teacher's work at secondary schools in Thanh Ha district, Hai Duong province shows that, although there has been coordination between the parties, it is still not synchronized and inconsistent. Therefore, it requires a closer cooperation between schools and families in both form and content; to increase participation and improve educational effectiveness.*

Keywords: *Management, homeroom teacher's work, cooperative relationship between school and family.*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 19-7-2023; ngày phản biện đánh giá: 11-8-2023; ngày chấp nhận đăng: 04-9-2023)

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Phụ lục 1)

Kính gửi : Quý cha mẹ, thầy cô!

Để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học giáo dục, chúng tôi kính mong quý vị giúp đỡ bằng cách cho biết ý kiến về các vấn đề sau đây. Xin quý vị vui lòng đọc câu hỏi rồi ghi hoặc đánh dấu **X** vào những ý phù hợp với suy nghĩ của mình. (Câu trả lời chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu mà không đánh giá người trả lời)

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của quý vị!

Xin quý vị vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân:

* Quý vị là phụ huynh học sinh lớp:.....; Giới tính:.....; Tuổi:

* Quý vị thầy cô là giáo viên của học sinh lớp:.....; Giới tính:.....; Tuổi:

* Trình độ học vấn.....; Nghề nghiệp:.....

Xin quý vị đánh giá về mức độ thường xuyên và mức độ hiệu quả của mục đích, lý do, hình thức, phương pháp, nội dung, điều kiện phối hợp giữa nhà trường - gia đình trong giáo dục học sinh ở trường con quý vị đang theo học?

MỨC ĐỘ THƯỜNG XUYÊN

MỨC ĐỘ HIỆU QUẢ

Điểm 3: Thường xuyên

Điểm 3: Tốt

Điểm 2: Đôi khi

Điểm 2: Trung bình

Điểm 1: Hiếm khi

Điểm 1: Chưa tốt

STT	Nội dung và hình thức phối hợp	CBQL, GVCNL		Cha mẹ học sinh	
		Mức độ thường xuyên	Mức độ hiệu quả	Mức độ thường xuyên	Mức độ hiệu quả
Nội dung phối hợp					
1	Thông báo cho cha mẹ kết quả học tập, rèn luyện của học sinh				
2	Thông báo cho GVCN về mọi mặt của học sinh khi ở gia đình và cộng đồng				
3	Trao đổi, thống nhất về nội dung và biện pháp giáo dục học sinh				
4	Chia sẻ với CMHS các kiến thức, phương pháp giáo				

	đục trong gia đình				
5	Huy động tiềm năng và sự tham gia của CMHS vào các hoạt động giáo dục của nhà trường				
6	Gia đình tích cực phối hợp trong các hoạt động				
7	CMHS tham gia phong trào XHH giáo dục				
8	Gia đình tạo điều kiện, tích cực quan tâm hỗ trợ, kiểm tra HS ở nhà				
Hình thức phổ i hợp					
1	Tổ chức cuộc họp toàn thể CMHS				
2	Gặp mặt đại diện CMHS				
3	Mời và gặp mặt riêng CMHS				
4	Thăm gia đình học sinh				
5	Sổ liên lạc				
6	Sổ liên lạc điện tử				
7	Gọi điện thoại				